

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/DS-PT

Ngày 15-9-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Dừa

Ông Huỳnh Văn Hoàng Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Bà Phạm Thị Ứng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2020/DS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 204/2020/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2020/QĐ-PT ngày 07/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trương Hoàng C, sinh năm: 1977 (có mặt)

2. Bà Đặng Hiền T, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số AA Nguyễn Hòa L, khóm D, phường A, thành phố T, tỉnh T.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1977 (có mặt)

2. Bà Trương Thị Ngọc H, sinh năm: 1982 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số Q đường L, khóm D, phường A, thành phố T, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tô Ngọc Q, sinh năm: 1978 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số E đường P, khóm B, phường B, thành phố T, tỉnh T

- Người kháng cáo: Bà Trương Thị Ngọc H là bị đơn kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trương Hoàng C và bà Đặng Hiền T trình bày như sau:

Vào ngày 04/5/2018 ông Trương Hoàng C và bà Đặng Hiền T có vay Ngân hàng dùng cho ông Nguyễn Tấn Đ và bà Trương Thị Ngọc H vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay để làm ăn, lãi suất thỏa thuận khi nào Ngân hàng báo số tiền bao nhiêu thì ông Đ, bà H trả lãi cho ông C, bà T bao nhiêu, do số tiền trên ông C, bà T vay của Ngân hàng để cho ông Đ, bà H vay lại. Thời hạn trả nợ vay là 02 năm.

Trong quá trình vay ông Đ, bà H có đóng lãi cho ông C, bà T đúng thỏa thuận. Đến kỳ đóng lãi tháng 7 năm 2019 thì ông Đ, bà H ngưng không đóng lãi nữa, ông C và bà T đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông Đ bà H không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi theo thỏa thuận.

Ông C bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà H có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc là 800.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2019 đến ngày xét xử xong vụ án với mức lãi suất 1,24%/tháng.

Theo các lời khai của bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ, bà Trương Thị Ngọc H trình bày: Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Trương Thị Ngọc H thừa nhận có ký tên xác nhận nợ vào biên nhận ngày 04/5/2018 nợ ông Trương Hoàng C và bà Đặng Hiền T số tiền 800.000.000 đồng, thống nhất thời hạn trả nợ đến ngày 04/5/2020 và sẽ trả lãi cho ông C và bà T theo lãi suất Ngân hàng. Tuy nhiên, số tiền nợ này ông Nguyễn Tấn Đ và bà Trương Thị Ngọc H nhận vay cho vợ chồng ông Tô Ngọc Q và bà Trương Thị Ngọc H. Hiện tại bà Trương Thị Ngọc H đã mất nên ông Tô Ngọc Q là chồng bà H hứa sẽ trả nợ cho ông C và bà T số tiền trên, các bên đã thỏa thuận xong nhưng không biết vì lý do gì ông C, bà T lại tiếp tục kiện ông, bà. Vì vậy ông Đ, bà H không đồng ý trả nợ cho ông C và bà T theo yêu cầu khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Ngọc Q trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Ông là chồng của bà Trương Thị Ngọc H là em rể của ông C và anh rể của bà H. Việc nguyên đơn ông Trương Hoàng C, bà Đặng Hiền T khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ, bà Trương Thị Ngọc H, ông không đứng về phía nguyên đơn cũng không đứng về phía bị đơn. Trong vụ án này ông không có yêu cầu hay tranh chấp gì. Vợ ông bà Trương Thị Ngọc H mất ngày 17/4/2019. Vợ chồng ông không có thỏa thuận vay hay mượn số tiền 800.000.000 đồng của ông Trương Hoàng C, bà Đặng Hiền T cũng như không vay số tiền 800.000.000 đồng của ông Nguyễn Tấn Đ và bà Trương Thị Ngọc H. Đối với tờ giấy tập học sinh ông Đ, bà H cho rằng đã chuyển khoản vay cho ông Q thì ông Q khai tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2020 (bút lục số 35-36) ông viết tờ giấy trên là để cho bà H mượn số tiền 10.400.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Trương Hoàng C và bà Đặng Hiền T. Buộc đồng bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Trương

Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả ông Trương Hoàng C và bà Đặng Hiền T tổng số tiền 900.853.333 đồng (trong đó gốc 800.000.000 đồng và 100.853.333 đồng tiền lãi).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về tiền án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/7/2020 bà Trương Thị Ngọc H kháng cáo không thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị đơn vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Ngọc H là không có cơ sở để chấp nhận, bà H, ông Đ cho rằng số tiền 800.000.000 đồng là ông bà nhận nợ dùm cho bà Trương Thị Ngọc H và ông Tô Ngọc Q, nhưng ông C, ông Q không thừa nhận có việc chuyển giao nợ cho ông Q trả cho ông C. Ông Đ và bà H cũng không có chứng cứ chứng minh. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến các bên đương sự và Kiểm sát viên.

[1] Đơn kháng cáo của bà Trương Thị Ngọc H còn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Ngọc H không đồng ý trả số tiền vốn 800.000.000 đồng và tiền lãi cho ông Trương Hoàng C và bà Đặng Hiền T. Bà H khai số tiền 800.000.000 đồng là do vợ chồng bà ký nợ thay cho bà Trương Thị Ngọc H (chị của bà H) và ông Tô Ngọc Q, để bà H và ông Q trả nợ Ngân hàng Sacombank lấy giấy tờ thế chấp Nhà nghỉ Phúc Sinh ra chuyển nhượng cho ông C để trừ nợ bà H nợ ông C. Vợ chồng Ông Q bà H có trách nhiệm trả lãi và chi phí phát sinh cho vợ chồng bà để trả lại cho ông C, bà T. Số nợ này bà H chết ông Q phải có trách nhiệm trả cho ông C bà T.

Ông C bà T khai là cho ngày 4/5/2018 ông bà vay Ngân hàng cho ông Đ, bà H mượn 800.000.000 đồng. Đến ngày 26/7/2019 thì không đóng lãi nữa nên ông bà mới khởi kiện. Việc bà H và ông Quý thỏa thuận như thế nào ông không biết. Ngày 18/8/2019 đến hạn đáo hạn Ngân hàng bà H đưa ông 5.000.000 đồng hôm sau ông Q đưa ông 5.400.000 đồng nói bà H đưa nên ông nhận để đóng phí đáo hạn Ngân hàng. Ông Tô Ngọc Q khai vợ chồng ông không vay tiền của vợ chồng ông C. Tờ giấy bà H cung cấp có nội dung ông đưa cho bà H 5.000.000 đồng là do bà H mượn ông 10.400.000 đồng để trả cho ông C nhưng ông không có đủ nên đưa trước 5.000.000 đồng hôm sau đưa tiếp nên bà H yêu cầu ông viết giấy cho ông C tin tưởng.

[3] Chứng cứ ông C bà T cung cấp là giấy nhận nợ (BL số 03), Ông Đ bà H thừa nhận có ký tên biên nhận này. Bà H đưa tờ giấy ngày 18/8/2019 cho rằng đã thỏa thuận chuyển số nợ 800.000.000 đồng vay ngày 04/5/2018 sang cho ông Tô Ngọc Q, ông Q và ông C không thừa nhận có việc thỏa thuận này. Tờ giấy bà H cung cấp không thể hiện được nội dung thể hiện ông Q có trách nhiệm trả số tiền vay 800.000.000 đồng cho ông C. Bà H không còn chứng cứ nào khác chứng minh đây là số nợ ông Tô Ngọc Q phải trả cho ông Trương Hoàng C.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trương Thị Ngọc H có đưa ra người là chứng là bà Thái Thị Mỹ là mẹ ruột của ông Trương Hoàng C và bà Trương Thị Ngọc H biết việc bà và ông Đ ký nhận nợ thay cho bà Trương Thị Ngọc H và ông Tô Ngọc Q. Bà Mỹ khai có nghe biết việc vợ chồng ông Q bà H vay nợ của vợ chồng ông C nhưng bà không trực tiếp thấy việc giao nhận tiền. Mặt khác ông Đ, bà H thừa nhận số tiền vay 800.000.000 đồng khi đóng lãi là do vợ chồng ông bà trực tiếp đóng lãi cho Ngân hàng có khi thì chuyển khoản nên việc ông bà cho rằng ký tên dùm khoản vay nợ là không có cơ sở.

Từ đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Ngọc H.

[5] Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các tình tiết chứng cứ của vụ án nên chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 463, 465, 468 Bộ Luật dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Ngọc H.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DSST ngày 01/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Trương Hoàng C và bà Đặng Hiền T.

2. Buộc đồng bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Trương Thị Ngọc H có nghĩa vụ trả ông Trương Hoàng C và bà Đặng Hiền T tổng số tiền 900.853.333 đồng (trong đó gốc 800.000.000 đồng và 100.853.333 đồng tiền lãi).

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Trương Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng bà H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000857 ngày 23/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T nên cản trừ, bà H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thành Trung